

Điều 3. — Nghị định này thay thế cho nghị định số 85-HĐBT ngày 11 tháng 5 năm 1982 của Hội đồng Bộ trưởng. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 4. — Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIẾT

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 81-HĐBT ngày 28-3-1991 về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1991.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981 ;

Căn cứ nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước năm 1991 đã được Quốc hội khóa VIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1990 ;

Căn cứ kết luận của Hội đồng Bộ trưởng trong phiên họp ngày 26 tháng 12 năm 1990 ;

Để Hệ thống chỉ tiêu giao kế hoạch năm 1991 phù hợp với đặc điểm của tình hình mới, bảo đảm tính hiện thực của kế hoạch Nhà nước và khắc phục những buông lỏng trong quản lý ;

Đề phát huy tinh thần chủ động của các ngành, địa phương tự cân đối trong bố trí kế hoạch của mình ;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Ban hành kèm theo Quyết định này Hệ thống chỉ tiêu do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao kế hoạch Nhà nước năm 1991 cho các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương. Hệ thống chỉ tiêu này chỉ bao gồm những chỉ tiêu có ý nghĩa quyết định đến những cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân và để thực hiện các hiệp định Chính phủ về giao hàng và trả nợ nước ngoài.

Điều 2. — Căn cứ vào chỉ tiêu do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao, các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương tính toán, cân đối và ra quyết định giao lại chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước cho các đơn vị trực thuộc. Các ngành, các cấp không được tự ý thay đổi những chỉ tiêu đã giao. Nếu có yêu cầu thay đổi thì phải trình cấp có thẩm quyền xem xét và quyết định.

Điều 3. — Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước có thể giao thêm một số chỉ tiêu hướng dẫn và các thông tin cần thiết cho các Bộ, ngành và địa phương nhằm tạo điều kiện để thực hiện đồng bộ kế hoạch Nhà nước.

Điều 4. — Ngoài Hệ thống chỉ tiêu do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao, Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban

Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu chỉ đạo các tổ chức sản xuất — kinh doanh trực thuộc chủ động xây dựng kế hoạch theo cơ chế quản lý mới, phát huy quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả trong sản xuất — kinh doanh của cơ sở.

Điều 5. — Ủy ban Kế hoạch Nhà nước có trách nhiệm chủ trì cùng các Bộ, ngành liên quan kiểm tra, theo dõi việc thực hiện kế hoạch, đề xuất các biện pháp giúp Hội đồng Bộ trưởng xử lý các cân đối và điều hành kế hoạch Nhà nước.

Điều 6. — Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 7. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

HỆ THỐNG chi tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1991.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 81-HĐBT ngày 28 tháng 3 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng.)

I. Giao cho các Bộ

1. *Nhiệm vụ sản xuất:* Dầu thô, điện, xi-măng, thép.

2. *Xuất, nhập khẩu:*

— Giá trị và số lượng xuất khẩu các mặt hàng: Gạo, dầu thô, và một số mặt hàng chủ yếu xuất khẩu theo Hiệp định và để trả nợ.

— Giá trị và số lượng nhập khẩu các mặt hàng: Xăng dầu, phân đạm, thép và một số mặt hàng chủ yếu nhập khẩu theo Hiệp định.

3. *Kinh doanh vật tư, hàng hóa:*

— Số lượng bán các vật tư nhập khẩu bằng nguồn ngoại tệ tập trung do Nhà nước trực tiếp chi phối: Xăng dầu, phân đạm và thép cho các đối tượng, mục tiêu (giao cho các ngành kinh doanh).

— Số lượng một số hàng hóa, vật tư thiết yếu bổ sung cho dự trữ Nhà nước: Thóc, xăng dầu, thép, thuốc y tế, muối I-ốt phục vụ miền núi.

4. *Đầu tư xây dựng cơ bản:*

— Tổng mức, cơ cấu vốn đầu tư xây dựng cơ bản và danh mục các công trình thuộc ngân sách Nhà nước; năng lực mới được huy động kèm theo danh mục và vốn đầu tư của các công trình.

— Tổng mức vốn tín dụng đầu tư, trong đó ghi rõ cơ cấu và danh mục các công trình chủ yếu.

5. *Tài chính — ttn dụng:*

a) *Giao cho các Bộ quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh, sự nghiệp:*

— Các khoản nộp ngân sách (kể cả ngoại tệ, nếu có).

— Các khoản chi ngân sách.

b) Giao cho Bộ Tài chính:

Tổng số thu:

Trong đó:

- Từ kinh tế quốc doanh.
- Từ kinh tế ngoài quốc doanh.
- Vay, viện trợ nước ngoài.

Tổng số chi:

Trong đó:

- Xây dựng cơ bản.
- Quốc phòng.
- An ninh.
- Sự nghiệp, trong đó ghi rõ nhiệm vụ chi cho từng sự nghiệp: Văn hóa, thông tin, giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học, điều tra cơ bản.

- Trả nợ nước ngoài.

- Dự trữ quốc gia.

c) Giao cho Ngân hàng Nhà nước:

- Tổng mức vốn tín dụng.

6. Đào tạo:

- Số tuyển mới nghiên cứu sinh trong nước (giao cho Ủy ban Khoa học Nhà nước).

- Số học sinh tuyển mới đại học, cao đẳng, trong đó: hệ dài hạn, tập trung.

- Số học sinh tuyển mới đào tạo ngoài nước (giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo).

7. Khoa học - kỹ thuật và điều tra cơ bản:

- Nhiệm vụ chủ yếu và kinh phí nghiên cứu khoa học - kỹ thuật cấp Nhà nước.

- Nhiệm vụ và kinh phí thăm dò địa chất, điều tra cơ bản, kiểm soát môi trường.

II. Giao cho các tỉnh, thành phố.

1. Xuất, nhập khẩu:

- Số lượng xuất khẩu các mặt hàng: Gạo; một số mặt hàng ghi trong Hiệp định.

- Số lượng nhập khẩu các mặt hàng: Xăng dầu, phân đạm; một số mặt hàng ghi trong Hiệp định để bảo đảm nhu cầu của địa phương.

2. Đầu tư xây dựng cơ bản:

- Tổng mức, cơ cấu vốn đầu tư xây dựng cơ bản và danh mục các công trình đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước; năng lực mới được huy động kèm theo danh mục về vốn đầu tư các công trình quản trọng của địa phương.

- Tổng mức vốn tín dụng đầu tư, trong đó ghi rõ cơ cấu và danh mục các công trình chủ yếu của địa phương.

3. Tài chính:

- Tổng số thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn (không kể kết dư ngân sách địa phương).

- Tổng số chi ngân sách địa phương, trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi về quỹ lương hành chính - sự nghiệp, chi về văn hóa thông tin, giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học, điều tra cơ bản...

- Số trợ cấp của ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương để cân đối (nếu có).

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIỆT